

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2018/ KDTM-PT

Ngày 28/6/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng thuê máy công trình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng
Ông Nguyễn Gia Lương

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 03/2018/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng thuê máy công trình.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 13/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐ-PT, ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa:

-Nguyên đơn:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H.

Địa chỉ: Số nhà 307, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Do bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Giám đốc đại diện (vắng mặt).

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T, Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn F, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

-Bị đơn: Công ty cổ phần C

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Giám đốc đại diện (có mặt).

-Người kháng cáo: Công ty cổ phần C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2016, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/3/2017 và 06/9/2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H, do bà Nguyễn Thị H - Giám đốc làm đại diện trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H (viết tắt là Công ty H và Công ty cổ phần C có ký hợp đồng thuê máy công trình số 01/HĐTMCT-2015 ngày 24/10/2015, theo đó Công ty cổ phần C yêu cầu Công ty H cung cấp một máy xúc, một máy ủi cho Công ty cổ phần C thuê dài hạn trong thời hạn là 05 năm kể từ ngày 01/12/2016. Đơn giá thuê là 100.000.000 đồng cho cả 02 máy trên 01 tháng (Trong đó máy đào bánh xích là 80.000.000 đồng; Máy gạt là 20.000.000 đồng), địa điểm thi công tại Nhà máy gạch Tuynel thuộc thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Công việc phải thực hiện, phương tiện và con người do bên Công ty H thực hiện theo sự phân công và điều hành của bên Công ty cổ phần C, phương thức làm việc 01 tháng thợ lái thường trực làm việc vào ca ngày bằng 26 ca, 01 ca làm việc bằng 07 giờ làm việc, nếu làm việc vào ban đêm thì bên Công ty cổ phần C phải sắp xếp lịch hợp lý có báo trước và có thỏa thuận với thợ lái máy và chủ máy. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận về việc làm giờ vượt mức cũng như điều kiện ăn ở như trong hợp đồng đã ký; thỏa thuận việc thanh toán vào ngày 25 hàng tháng; thỏa thuận về trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên cũng như điều khoản chung của hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần C cho rằng 01 năm là hết hạn hợp đồng nên phải cho dự thầu và đấu giá lại, trúng thầu mới làm tiếp. Sau đó Công ty cổ phần C có thông báo mời thầu cho Công ty H nhưng không có thời gian dự thầu vào ngày giờ nào. Công ty H thấy thông báo này không liên quan đến hợp đồng của Công ty H đã ký với Công ty cổ phần C vì thời hạn hợp đồng là 05 năm kể từ ngày 01/12/2015 nên Công ty H không tham gia dự thầu. Đến ngày 31/12/2016 bên Công ty cổ phần C dừng không cho máy làm việc yêu cầu chuyển máy đi mà không chốt công nợ, không hẹn thanh toán công nợ. Sau đó Công ty cổ phần C có mời Công an huyện Lục Ngạn làm việc yêu cầu Công ty H chuyển máy

đi, sau đó bà có cung cấp hợp đồng giữa hai Công ty và hai bên có lập biên bản làm việc vào ngày 09/01/2017. Nay Công ty H khởi kiện đề nghị buộc Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/HĐTMCT-2015 ngày 24/10/2015 .

Tại bản tự khai ngày 26/12/2016, biên bản hòa giải ngày 21/3/2017 và 06/9/2017 ông Nguyễn Văn D - Đại diện cho Công ty cổ phần C trình bày:

Nội dung của hợp đồng như lời trình bày của đại diện Công ty H là đúng. Công ty H đề nghị phía Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng mà hai bên đã ký ông không nhất trí, bởi vì sau khi thực hiện hợp đồng được khoảng 05, 06 tháng thì phát sinh rất nhiều bất cập cụ thể như sau: Về cách tính tiền căn cứ vào xác nhận giờ của kế toán để nhân lên thời gian làm việc trong khi ông không được biết. Có những ngày máy không làm việc nhưng vẫn phải thanh toán tiền, dầu bảo dưỡng máy Công ty cổ phần C vẫn phải thanh toán. Do đó bên phía Công ty cổ phần C chỉ tiếp tục thực hiện hợp đồng đến hết ngày 31/12/2016 và có thông báo cho Công ty H mời tham gia dự thầu mới, nhưng Công ty H không tham gia, hiện nay Công ty V đang thực hiện việc thuê máy và làm việc cho Công ty cổ phần C. Đến nay Công ty H yêu cầu Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng ông không nhất trí, có gì Công ty H tham gia đấu thầu vào 31/12/2017 vì Công ty của ông hiện nay thực hiện thuê máy hàng năm.

Ông Triệu Tuấn A là cổ đông trong Công ty cổ phần C trình bày:

Ông có ký thông báo về việc thanh lý hợp đồng và thông báo mời thầu cho phía Công ty H, tuy nhiên việc thông báo này là thực hiện theo ý kiến của ông Nguyễn Văn D, vì ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty, ông từ chối tham gia tố tụng, mọi vấn đề do ông Đình tự quyết định, vì ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần C.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/HĐTMCT-2015 ngày 24/10/2015 với Công ty H. Lý do: Việc ký hợp đồng giữa hai Công ty là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, lừa dối, thời hạn ký hợp đồng là 05 năm, do vậy khi chưa hết thời hạn thực hiện hợp đồng, phía Công ty cổ phần C thông báo thanh lý hợp đồng và tổ chức mời thầu, nên Công ty H không chấp nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty H không có vi phạm gì về hợp đã ký kết, do vậy đề nghị Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết với Công ty H. Khi hai bên thương lượng ký kết hợp đồng ông D đã đọc rất kỹ, hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, sáng suốt, không có bị lừa dối, ép buộc gì, nên đề nghị không chấp nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn D.

Ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Công ty H, đề nghị Tòa án hủy bỏ hợp đồng trên với Công ty H. Lý do:

Sau khi hai bên thực hiện hợp đồng, phía Công ty cổ phần C thấy có nhiều bất cập so với thị trường như: Giá thuê cao hơn so với thị trường, thời gian làm việc

có tháng làm mấy ngày nhưng vẫn thanh toán đủ tiền, phía Công ty cổ phần C phải lo đầu máy là không phù hợp với thực tế thị trường đang thực hiện. So với hợp đồng đã ký kết thì có nhiều điểm quá bất lợi cho Công ty cổ phần C, do vậy phía Công ty cổ phần C ra thông báo thanh lý hợp đồng và tổ chức đấu thầu lại cho phù hợp với thực tế.

Khi ký kết hợp đồng, phía Công ty cổ phần C chưa nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty vì Công ty mới thành lập, nhưng sau khi đi vào thực hiện hợp đồng thì có quá nhiều bất cập không có lợi cho Công ty cổ phần C, do vậy Công ty cổ phần C có thương lượng với Công ty H, nhưng không được, nên đã quyết định không tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 13/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 122, 405 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 297 Luật thương mại năm 2005; Điều 30; Điều 35; Điều 147, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự:

Xử: Buộc Công ty cổ phần C phải tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/HĐTMCT- 2015 ngày 24/10/2015 với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H.

Về án phí: Áp dụng Điều 26, 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Công ty cổ phần C phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000927 ngày 06/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân huyện L có quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2018/QĐ-SCBSBA về ngày xét xử là ngày 13/03/2018.

Ngày 27/3/2018 Công ty cổ phần C kháng cáo bản án, ngày 06/4/2018 Công ty nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Công ty cổ phần C kháng cáo toàn bộ bản án. Đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử lại theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Lý do Công ty cổ phần C trong khi thực hiện hợp đồng thấy bất lợi về giá tiền, thời gian làm việc, Công ty thực hiện hợp đồng đến hết ngày 31/12/2016 đã thanh toán hết tiền cho Công ty H, sau khi trả tiền thì Công ty đã chấm dứt hợp đồng; Ngày 21/11/2016 Công ty cổ phần C đã mời thầu lại nhưng Công ty H không tham gia đấu thầu. Nếu Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng thì sẽ phá sản do vậy Công ty cổ phần C chấm dứt hợp đồng là có căn cứ.

Ngày 28/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện L có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-KDTM, kháng nghị đối với bản án kinh doanh thương mại sơ

thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện L. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm. Lý do vi phạm thẩm quyền xét xử; thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm về thể thức ban hành bản án sơ thẩm, về nội dung không xem xét yêu cầu của Công ty cổ phần C chấm dứt hợp đồng vì hiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ T đang thực hiện hợp đồng thuộc phần việc đã ký với Công ty H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là Công ty H do bà Nguyễn Thị H đại diện theo pháp luật vắng mặt; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty không rút đơn khởi kiện, Công ty cổ phần C không rút kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang rút một phần kháng nghị đối với phần vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa sơ thẩm. Do vắng mặt người đại diện của Công ty H nên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn D đại diện cho Công ty cổ phần C trình bày:

Công ty cổ phần C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm không xem xét hết tình tiết mà Công ty cổ phần C đưa ra, Hợp đồng ký thời hạn 5 năm trong khi Công ty cổ phần C mới thành lập và đi vào hoạt động chưa thẩm định thực tế. Quá trình thực hiện hợp đồng có nhiều bất lợi cho Công ty cổ phần C như: Có tháng Công ty thực hiện có 6 đến 7 công, có tháng thực hiện hơn 10 công, cách tính làm thêm giờ gây bất lợi cho Công ty nhưng Công ty vẫn thanh toán trả theo đơn giá thuê của hợp đồng là 100.000.000 đồng cho Công ty H; so với giá thị trường tại thời điểm đó thuê chỉ từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng, Công ty ông thiệt 40 triệu/ tháng. Khi bắt cập kéo dài Công ty cổ phần C có gọi đại diện Công ty H thỏa thuận nhưng Công ty H không nghe. Do vậy, cuối tháng 12/2016 Công ty cổ phần C đã chấm dứt hợp đồng với Công ty H và yêu cầu bà Hồng đại diện Công ty H tham gia đấu thầu lại nhưng bà Hồng không tham gia. Công ty cổ phần C chỉ chấp nhận tiếp tục thực hiện hợp đồng khi Công ty H tham gia đấu thầu lại và ký lại hợp đồng nếu phù hợp.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và trình bày của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa rút một phần kháng nghị ông đồng ý. Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần C và không chấp nhận khởi kiện của Công ty H.

Luật sư bảo vệ cho Công ty H trình bày: Công ty không nhất trí với kháng cáo của Công ty cổ phần C và đồng ý rút kháng nghị một phần của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang trình bày tại phiên tòa. Công ty cổ phần C đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm Điều 4 của Hợp đồng. Trong chế tài của Luật thương mại Điều 297 quy định có điều khoản buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nêu không xem xét các tình tiết do bị đơn trình bày, Tòa sơ thẩm đã xem xét nhưng không có căn cứ nên không chấp nhận các bất cập mà Công ty cổ phần C đã trình bày.

Không thu thập chứng cứ khác thì luật quy định nghĩa vụ cung cấp chứng cứ là của các bên để làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện và trình bày của mình, Công ty cổ phần C đưa ra lời trình bày không có căn cứ kèm theo, Tòa sơ thẩm đánh giá và phán quyết là có căn cứ, Công ty cổ phần C không có đơn yêu cầu cung cấp chứng cứ. Đề nghị Hội xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần C và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu việc tuân theo pháp luật: của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đại diện Công ty H vắng mặt tại phiên tòa song đã có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 86 và Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự; Đại diện Công ty cổ phần C có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật quy định tại Điều 70, 72, 86 và Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-KDTM ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và kháng cáo của Công ty cổ phần C. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Công ty H và giải quyết án phí. Lý do: Tòa sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu của Công ty cổ phần C. Buộc Công ty cổ phần C phải tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/HDTMCT-2015 ngày 24/10/2015 là giải quyết không khách quan, không đúng quy định pháp luật được quy định tại khoản 6 Điều 292; khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 312 Luật thương mại và Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2015 và không khả thi khi thi hành bản án.

Đối với các sai sót của bản án sơ thẩm mà kháng nghị của Viện kiểm sát nêu ra còn có thiếu sót như: vụ án được mở phiên tòa vào ngày 09/2/2018 và mở lại phiên tòa vào ngày 07/3/2018, nhưng bút ký phiên tòa không thể hiện có ngừng phiên tòa ngày 09/2/2018 đến 07/3/2018 tiếp tục xét xử là thực hiện không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc ngừng phiên tòa ngày 09/2/2018 không nêu cụ thể thu thập tài liệu, chứng cứ nào; bản án viện dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là không đúng Tòa phúc thẩm cần rút kinh nghiệm với tòa cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H do bà Nguyễn Thị H đại diện có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 24/10/2015 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H và Công ty cổ phần C ký hợp đồng thuê máy công trình số 01/HĐTMCT-2015, địa điểm thực hiện hợp đồng là Nhà máy gạch Tuynel có địa chỉ: thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Nguyên đơn là Công ty H có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của BLTTDS, điểm g khoản 1 Điều 40 của BLTTDS quy định: g) nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H và Công ty cổ phần C ký hợp thuê máy công trình là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện L giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[1]. Về nội dung: Ngày 24/10/2015 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H và Công ty cổ phần C có ký hợp đồng thuê máy công trình số 01/HĐTMCT-2015, theo Hợp đồng đã ký Công ty cổ phần C yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H cung cấp một máy xúc, một máy ủi cho Công ty cổ phần C thuê dài hạn trong thời hạn là 05 năm kể từ ngày 01/12/2016 đến ngày, tháng năm 2021. Đơn giá thuê là 100.000.000 đồng cho cả 02 máy trên 01 tháng (Trong đó máy đào bánh xích là 80.000.000 đồng; Máy gạt là 20.000.000 đồng), địa điểm thi công tại Nhà máy gạch Tuynel thuộc thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; phương thức làm việc 01 tháng thợ lái thường trực làm việc vào ca ngày bằng 26 ca, 01 ca làm việc bằng 07 giờ làm việc, nếu làm việc vào ban đêm thì bên Công ty cổ phần C phải sắp xếp lịch hợp lý có báo trước và có thỏa thuận với thợ lái máy và chủ máy, ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về việc làm giờ vượt mức cũng như điều kiện ăn ở như trong hợp đồng đã ký; thanh toán vào ngày 25 hàng tháng; thỏa thuận về trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên cũng như điều khoản chung của hợp đồng. Hai bên thực hiện Hợp đồng đến ngày 31/12/2016 thì Công ty cổ phần C phá hợp đồng và thông báo chấm dứt hợp đồng. Ngày 17/3/2017 Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H. Buộc Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/HĐTMCT-2015, ngày 24/10/2015. Công ty cổ phần C kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Viện kiểm sát kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm về tố tụng và nội dung. Tại phiên tòa phúc

thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang rút một phần kháng nghị nêu vi phạm của bản án sơ thẩm về thẩm quyền.

Xét nội dung rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phúc thẩm về thẩm quyền giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang rút một phần kháng nghị đối với bản án sơ thẩm về vi phạm thẩm quyền giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-KDTM ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về nội dung này.

Xét kháng cáo của Công ty cổ phần C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thuê máy công trình giữa Công ty cổ phần C với Công ty H ký kết số 01/HĐTMCT-2015, ngày 24/10/2015 phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 401, 402, 403, 404 của Bộ Luật dân sự năm 2005 tại thời điểm ký, phù hợp quy định tại Điều 177, Điều 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm giải quyết vụ án; khi ký kết hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hai bên có đăng ký kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh, thẩm quyền ký hợp đồng đều là người có thẩm quyền đại diện theo pháp luật của Công ty, có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H thực hiện đầy đủ toàn bộ nội dung thỏa thuận mà đã ký kết với Công ty cổ phần C. Công ty cổ phần C cho rằng Hợp đồng đã ký kết với Công ty H có nhiều bất cập về giá thuê, thời gian làm việc, sử dụng máy móc, nên đã thông báo cho Công ty H chấm dứt hợp đồng và tiến hành mời thầu lại. Hội đồng xét xử xét thấy: Những bất cập mà phía Công ty cổ phần C đưa ra là ý chí của Công ty cổ phần C, Công ty H không đồng ý; thời hạn thực hiện hợp đồng đã ký kết là 05, khi chưa hết thời gian thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần C đã thông báo thanh lý hợp đồng là không thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Tại Điều IV của hợp đồng quy định về điều khoản chung ghi rõ: Hai bên nghiêm chỉnh chấp hành các điều khoản của hợp đồng, không đơn phương thay đổi hay hủy bỏ hợp đồng; Bên A (Công ty cổ phần C) không được đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn... Do vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H khởi kiện buộc Công ty cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với nội dung của hợp đồng và khoản 1 Điều 292; Điều 297 Luật thương mại. Do vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H buộc Công ty cổ phần C phải tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/HĐTMCT-2015 ngày 24/10/2015 với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty cổ phần C không đưa ra được tài liệu chứng nào khác để chứng minh

cho rằng Công ty chấm dứt hợp đồng là có căn cứ, và đề nghị hủy hợp đồng là đúng quy định và kháng nghị của Viện kiểm sát nêu ra không xem xét yêu cầu của Công ty cổ phần C và buộc Công ty phải thực hiện hợp đồng số 01/HĐTMCT-2015 ngày 24/10/2015 là giải quyết không đúng quy định tại khoản 6 Điều 292 và khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 312 Luật thương mại là không có căn cứ.

Từ nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần C, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn về đề nghị sửa bản án sơ thẩm Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với vi phạm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L nêu và bổ sung của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phúc thẩm: Vi phạm về thể thức ban hành bản án sơ thẩm như: Phần nhận định của Bản án không nhận định về từng vấn đề cần phải xem xét giải quyết về thẩm quyền của Tòa án, thời hiệu, yêu cầu giải quyết của nguyên đơn... và đánh dấu [1];[2]... theo mẫu số 75-DS, ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ_HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Không thu thập đầy đủ tài liệu liên quan đến vụ án như: Giấy chứng nhận đầu tư dự án nhà máy sản xuất gạch Tuynel của Công ty cổ phần C; Hợp đồng thuê máy công trình giữa Công ty cổ phần C với Công ty TNHH thương mại dịch vụ T để xem xét đánh giá (Các tài liệu này đã được chuyển theo hồ sơ vụ án); Vụ án được mở phiên tòa vào ngày 09/2/2018 và mở lại phiên tòa vào ngày 07/3/2018, nhưng bút ký phiên tòa không thể hiện có ngừng phiên tòa ngày 09/2/2018 đến 07/3/2018 tiếp tục xét xử là thực hiện không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc ngừng phiên tòa ngày 09/2/2018 không nêu cụ thể thu thập tài liệu, chứng cứ nào; bản án viện dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là không đúng. Những vi phạm mà Viện kiểm sát nêu ra là có căn cứ. Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Công ty cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, án phí kinh doanh thương mại phúc theo quy định tại Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đối với án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 3.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-KDTM ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đối với phần vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần C, Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về những vi phạm của bản án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

□p dụng Điều 122, Điều 401, 402, 403, 404, 405 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 177 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 292; Điều 297 Luật thương mại năm 2005; Điều 30; Điều 35; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc Công ty cổ phần C phải tiếp tục thực hiện hợp đồng số 01/HĐTMCT -2015 ngày 24/10/2015 với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H.

-Về án phí: Buộc công ty cổ phần C phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000927 ngày 06/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Công ty cổ phần C phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003352 ngày 06/04/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

